

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 79/2026/HS-ST

Ngày: 03/02/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Như

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Khanh

Ông Nguyễn Văn Hồi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đồng Quang Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 455/2025/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2026/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

TRẦN VĂN Đ; sinh ngày 28/11/2006 (tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 01 tháng 12 ngày); tại tỉnh Kiên Giang (nay là An Giang); CCCD số 091206000330; Giới tính nam; Thường trú: ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang; Nơi ở hiện tại: Không có nơi ở ổn định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Văn C (sinh năm 1985) và bà Trịnh Thị T (sinh năm 1985); A, chị em ruột: 02 (kể cả bị cáo); Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt truy nã, giam giữ từ ngày 01/8/2025 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam C, Công an T3.

Những người tham gia tố tụng khác:

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông Trần Văn C, sinh năm 1985 (cha bị cáo); Địa chỉ: phường T, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Xuân T1; sinh năm 1983, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm T4; Địa chỉ: D N, phường V, TP Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị hại: Ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1979, CCCD số 079079009219

Nơi thường trú: Số C P, ấp T, xã T, huyện C, TP Hồ Chí Minh (nay là xã C, TP Hồ Chí Minh) (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Văn N, sinh năm 1977; CCCD số 091077017051

Nơi thường trú: Ấp C, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (nay là xã A, tỉnh An Giang); Nơi ở hiện tại: ấp C, xã Đ, tỉnh An Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn Đ không có việc làm ổn định nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. Vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 08/01/2024, Đ điều khiển xe gắn máy biển số 60P6-3874 đi từ phòng trọ tại Ấp C, xã T, huyện C, TP Hồ Chí Minh (nay là xã P, TP Hồ Chí Minh) lưu thông dọc trên đường T nhằm mục đích tìm tài sản không có người trông coi để trộm. Khi đến trước nhà số C đường T, thuộc ấp C, xã P, TP Hồ Chí Minh, nhà đang trong quá trình sửa chữa không có người trông coi nên Đ đã dựng xe tiến vào trong để tìm tài sản để chiếm đoạt. Đ đi ra phía sau nhà và thấy các dụng cụ máy móc để phục vụ cho việc sửa chữa, tại đây Đ đã lén lút chiếm đoạt 01 máy mài góc màu xanh; 01 máy bắn laser; 01 máy khoan sử dụng pin và 01 máy cắt gỗ màu xanh của ông Nguyễn Thanh T2 là chủ sở hữu. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, Đ mang số máy đã trộm mang về phòng trọ để cất giấu rồi tiếp tục điều khiển xe gắn máy đi tìm tài sản để trộm. Khi đến trước nhà số A đường P thuộc ấp B, xã P, TP Hồ Chí Minh thì bị Công an xã T (nay là Công an xã P) tuần tra phát hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe kiểm tra. Khi kiểm tra phát hiện trong cốp xe gắn máy của Đ có: Một hộp nhựa màu đỏ chứa: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng và 01 mặt dây chuyền màu vàng; 02 bông tai bằng kim loại màu vàng; 02 bông tai hình cầu màu trắng. Một hộp nhựa màu đỏ chứa: 02 vòng tay bằng kim loại màu vàng và 02 bông tai bằng kim loại màu trắng. Tại cơ quan Công an, Đ khai nhận hành vi phạm tội như trên và giao nộp số tài sản đã chiếm đoạt.

Đối với số dây chuyền, bông tai, vòng tay màu vàng bằng kim loại, Đ khai nhận đã nhặt trên đường đi từ nhà đến thuê trọ tại ấp C, xã T, huyện C (nay là xã P, TP Hồ Chí Minh) nhưng không nhớ rõ địa chỉ cụ thể. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu đối với số nữ trang trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐGTS ngày 09/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện C kết luận (BL 51): 01 máy mài góc hiệu Bosch đã qua sử dụng là 300.000 đồng; 01 máy bắn laser hiệu Toyama đã qua sử dụng là 600.000 đồng; 01 máy khoan sử dụng pin hiệu Makita đã qua sử dụng là 800.000 đồng; 01 máy cắt gỗ hiệu DCA đã qua sử dụng là 800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 2.500.000 đồng.

Tình tiết giảm nhẹ: Trần Văn Đ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Tình tiết tăng nặng: Không

Vật chứng thu giữ:

- 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, mặt dây chuyền hình bông hoa bằng kim loại màu vàng; 02 bông tai kim loại màu vàng; 02 bông tai dạng hình cầu màu trắng; 01 hộp nhựa màu đỏ bên trong có 02 vòng tay bằng kim loại màu vàng; 02 bông tai bằng kim loại màu bạc;

- 01 máy cắt gỗ màu xanh hiệu BCA; 01 máy góc màu xanh hiệu Bosch; 01 máy bắn laser màu xanh đen hiệu Toyama; 01 máy khoan pin hiệu Makita màu xanh (Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T3 đã trả lại cho chủ sở hữu theo Quyết định xử lý tài sản đồ vật, tài liệu số G8830/QĐ-VPCQCSĐT ngày 20/9/2025);

- 01 xe gắn máy biển số 60P6-3874 số khung RLGSM11BH8H006016, số máy VMSM3BH006616 (Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T3 đã trả lại cho chủ sở hữu theo Quyết định xử lý tài sản đồ vật, tài liệu số G8830/QĐ-VPCQCSĐT ngày 20/9/2025);

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thanh T2 đã nhận lại số tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 41/CT-VKSKV8 ngày 10/11/2025, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử bị cáo Trần Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) (gọi tắt là Bộ luật hình sự).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – TP Hồ Chí Minh sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả do hành vi của bị cáo đối với bị hại và đối với xã hội đồng thời nêu lên tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt bị cáo Trần Văn Đ từ 08 tháng đến 12 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng, đề nghị: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 1, điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, mặt dây chuyền hình bông hoa bằng kim loại màu vàng; 02 bông tai kim loại màu vàng; 02 bông tai dạng hình cầu màu trắng; 01 hộp nhựa màu đỏ bên trong có 02 vòng tay bằng kim loại màu vàng; 02 bông tai bằng kim loại màu bạc.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Trong phần tranh luận, người đại diện hợp pháp cho bị cáo là ông Trần Văn C trình bày quan điểm: Hoàn cảnh gia đình hiện nay khó khăn, bị cáo chỉ vì thiếu suy nghĩ nên đã thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội cũng có lỗi một phần của cha, mẹ không quan tâm dạy dỗ chu đáo, đề nghị hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo cho bị cáo mức án thấp nhất.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Nhất trí với nội dung về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo khai báo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho bị hại, đề nghị hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo cho bị cáo mức án thấp nhất.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi như luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Người bị buộc tội và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bị hại vắng mặt và việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt bị hại.

[2.2] Căn cứ vào Điều 414, Điều 423 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 2 Điều 6 và Điều 8 Thông tư 02/2018/TT-TANDTC ngày 21/9/2018 về hướng dẫn việc xét xử vụ án có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi quy định: Thành phần Hội đồng xét xử có 01 Hội thẩm là giáo viên, cán bộ Đoàn thanh niên Cộng sản H hoặc người có kinh nghiệm, hiểu biết tâm lý người dưới 18 tuổi, tại phiên tòa hôm nay thành phần hội đồng xét xử có bà Lê Thị K nguyên là Hiệu trưởng trường THCS T5 (nay là Trường THCS H1) là người công tác lâu năm trong ngành giáo dục, có kinh nghiệm và hiểu biết tâm lý đối với người dưới 18 tuổi. Đồng thời đến tham dự phiên tòa còn có đại diện hợp pháp là cha bị cáo và người bào chữa cho bị cáo, mặt khác cho đến thời điểm xét xử ngày hôm nay bị cáo cũng đã trên 18 tuổi. Xét thấy với thành phần trên đủ đảm bảo điều kiện tốt nhất cho việc xét xử đối với bị cáo Trần Văn Đ tại phiên tòa hôm nay theo đúng hướng dẫn tại Điều 414, Điều 423 Bộ luật tố tụng hình sự, Thông tư số 02/2018/TT-TANDTC 21/9/2018 và Điều 149, Điều 151 Luật tư pháp người chưa thành niên.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận:

[3.1] Vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 08/01/2024, tại nhà số C đường T, ấp C, xã T, huyện C, TP Hồ Chí Minh (nay là xã P, TP Hồ Chí Minh), Trần Văn Đ đã có hành vi lén lút thực hiện trộm 01 máy mài; 01 máy bắn laser; 01 máy khoan; 01 máy cắt gỗ của Nguyễn Thanh T2 là chủ sở hữu với tổng giá trị tài sản thiệt hại định giá là 2.500.000 đồng.

[3.2] Đối với 01 xe gắn máy biển số 60P6-3874, số khung RLGSM11BH8H006016, số máy VMSM3BH006616, quá trình điều tra đã làm rõ ông Trần Văn N cho bị cáo Đ mượn xe của mình làm phương tiện đi làm, Đ không lấy trộm xe của ông N cũng như ông N không biết việc Đ dùng xe để làm phương tiện gây án.

[3.3] Đối với 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, mặt dây chuyền hình bông hoa bằng kim loại màu vàng; 02 bông tai kim loại màu vàng; 02 bông tai dạng hình

cầu màu trắng; 01 hộp nhựa màu đỏ bên trong có 02 vòng tay bằng kim loại màu vàng; 02 bông tai bằng kim loại màu bạc, quá trình điều tra, Đ khai nhận đã nhặt trên đường đi từ nhà đến thuê trọ tại ấp C, xã T, huyện C (nay là xã P, TP Hồ Chí Minh) nhưng không nhớ rõ địa chỉ cụ thể. Tại Giấy kết quả thử nghiệm số 16122025/40-PNJL-TNV của Công ty TNHH MTV G kết luận: hàm lượng vàng 0% đối với các trang sức kim loại nêu trên.

[3.4] Tổng giá trị tài sản bị cáo Đ trộm của bị hại Tuyên trị giá 2.500.000 đồng. Vì vậy, có đủ cơ sở để xác định hành vi nêu trên của bị cáo Đ đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố để xét xử bị cáo Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, nên buộc bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm hình sự theo luật định.

[3.3] Lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của bị hại, bị cáo Đ đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản, thể hiện ý thức xem thường pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Mặt khác, còn gây ảnh hưởng, tác động xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chỉ 17 tuổi 1 tháng 12 ngày nên cần áp dụng Điều 91 Bộ luật hình sự về nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội và khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự, Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên để áp dụng hình phạt đối với bị cáo. Tại giai đoạn điều tra, bị cáo được bảo lãnh tại ngoại nhưng trong thời gian tại ngoại bị cáo lại bỏ đi khỏi địa phương nơi cư trú, Cơ quan điều tra phải ra quyết định truy nã đối với bị cáo. Đồng thời trong hồ sơ thể hiện bị cáo không còn ở địa phương (nơi đăng ký thường trú), đi đâu làm gì không rõ. Bị cáo cũng không có nơi cư trú ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định, các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe phòng ngừa đối với bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Đ, Hội đồng xét xử có xem xét:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4.3] Về nhân thân: Bị cáo Đ phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng Điều 91 về nguyên tắc xét xử đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và khoản 1 Điều 101 BLHS, Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên để áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

[4.4] Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa, đề nghị hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo cho bị cáo mức án thấp nhất., Hội đồng xét xử sẽ căn cứ Điều 91 về nguyên tắc xét xử đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và khoản 1 Điều 101 BLHS, Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên để áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo phạm tội khi chưa thành niên nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về dân sự.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 1, điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

[7.1] 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, mặt dây chuyền hình bông hoa bằng kim loại màu vàng; 02 bông tai kim loại màu vàng; 02 bông tai dạng hình cầu màu trắng; 01 hộp nhựa màu đỏ bên trong có 02 vòng tay bằng kim loại màu vàng; 02 bông tai bằng kim loại màu bạc: qua giám định là vật không có giá trị nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy;

[7.2] 01 máy cắt gỗ màu xanh hiệu BCA; 01 máy góc màu xanh hiệu Bosch; 01 máy bắn laser màu xanh đen hiệu Toyama; 01 máy khoan pin hiệu Makita màu xanh (Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T3 đã trả lại cho chủ sở hữu theo Quyết định xử lý tài sản đồ vật, tài liệu số G8830/QĐ-VPCQCSĐT ngày 20/9/2025): Hội đồng xét xử nhận thấy việc trả lại là phù hợp với quy định của pháp luật và không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên tại phiên tòa hôm nay không xem xét lại;

[7.3] 01 xe gắn máy biển số 60P6-3874 số khung RL GSM11BH8H006016, số máy VMSM3BH006616 (Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T3 đã trả lại cho chủ sở hữu theo Quyết định xử lý tài sản đồ vật, tài liệu số G8830/QĐ-VPCQCSĐT ngày 20/9/2025): Hội đồng xét xử nhận thấy việc trả lại là phù hợp với quy định của pháp luật và không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên tại phiên tòa hôm nay không xem xét lại;

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên:

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2025.

3. Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 1, điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, mặt dây chuyền hình bông hoa bằng kim loại màu vàng; 02 bông tai kim loại màu vàng; 02 bông tai dạng hình cầu màu trắng; 01 hộp nhựa màu đỏ bên trong có 02 vòng tay bằng kim loại màu vàng; 02 bông tai bằng kim loại màu bạc.

(Vật chứng được ghi theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an T3 và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – TP Hồ Chí Minh).

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

4. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025):

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Sở Tư pháp TP HCM;
- VKSND KV8-TP HCM;
- PV06 - Công an TP HCM;
- Thi hành án dân sự TP HCM;
- Phòng THADS KV8 - TP HCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa - Công an TP HCM;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Quỳnh Như